

Bản án số: 51/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 22 - 4 - 2026

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh;

2. Bà Mai Lương Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 341/2025/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Trúc P**, sinh năm: 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Số 73C, khu C, phường K, tỉnh L.

Bị đơn: Anh **Trần Trung T**, sinh năm: 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 73C, khu C, phường K, tỉnh L.

Hiện Đg chấp hành án tại: Trại giam Đ, xã Q, tỉnh L (Danh số 491M, Phân trại 1, Đội 11).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Trúc P** thì: Chị và anh **Trần Trung T** đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Đ (Nay là phường L), hôn nhân trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng sống chung cùng

gia đình chồng tại phường L, thành phố Đ (Nay là phường L). Cuộc sống chung hòa T hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, bất đồng quan điểm sống, anh T ngoại tình và chơi ma túy, hiện nay Đg phải chấp hành án. Nay, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị có nguyện vọng được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống lo cho các con. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 22/6/2019 và Trần Đình P, sinh ngày 19/6/2022. Ly hôn chị P có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn Linh Đ và Trần Đình P, do anh T Đg chấp hành án nên chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến của anh Trần Trung T thì: Về quan hệ hôn nhân đúng như trình bày của chị P, giữa anh và chị P có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân phường 7, thành phố Đ(nay là phường LangBiang - Đà Lạt), tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, nay chị P có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Trần Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 22/6/2019 và Trần Đình P, sinh ngày 19/6/2022. Hiện nay do anh T Đg chấp hành án nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh đồng ý giao con chung cho chị P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T để tiến hành tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng do anh T Đg chấp hành án và có đơn xin vắng mặt nên việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung chị P có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 22/6/2019 và Trần Đình P, sinh ngày 19/6/2022, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. **Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc P, cho chị P được ly hôn với anh T; về con chung: Giao 02 con**

chung Trần Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 22/6/2019 và Trần Đình P, sinh ngày 19/6/2022 cho chị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung các bên xác định không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa chị Nguyễn Thị Trúc P và anh Trần Trung T kết hôn với nhau vào năm 2018, chị P xác định quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và chị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn anh T có địa chỉ cư trú tại phường LangBiang - Đ(cũ là phường 7, thành phố Đà Lạt), nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Trung T đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa nhưng do hiện anh T Đg chấp hành án và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T kết hôn với nhau năm 2018 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường L, thành phố Đ(Nay là phường L), tỉnh L. Theo trình bày của chị P thì vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T không lo làm ăn, ngoại tình và nghiện ma túy; hiện anh T Đg chấp hành án. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P, xử cho chị P và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Về con chung: Các đương sự xác định vợ chồng có **02 con chung là Trần Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 22/6/2019 và Trần Đình P, sinh ngày 19/6/2022**, hiện các con Đg sống cùng chị P. Quá trình giải quyết vụ án chị P có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi thành niên, đồng thời anh T cũng thống nhất giao 02 con chung cho chị P được quyền trực tiếp

nuôi dưỡng, nên cần tiếp tục giao 02 con chung **Trần Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 22/6/2019 và Trần Đình P, sinh ngày 19/6/2022** cho chị P được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc P đối với bị đơn anh Trần Trung T.

Xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Trúc P và anh Trần Trung T được ly hôn.

2/Về con chung: Giao 02 con chung **Trần Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 22/6/2019 và Trần Đình P, sinh ngày 19/6/2022** cho chị P được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba*

trăm ngàn đồng) chị P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008125 ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, chị P đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (22/4/2026). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 1 - Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND phường LangBiang - Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh Mai Lương Anh

Trần Thị Lan

